



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

05⁽⁷⁹⁾ 2022

ISSN 1859-2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Hoàng Hồng Hiệp

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng
Ủy viên Bộ Chính trị
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền
Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

TS. Hoàng Hồng Hiệp
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính
Viện Nghiên cứu Văn hóa

GS.TS. Eric Iksoon Im University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ
--

GS.TS. Đỗ Hoài Nam
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Băng Tâm
University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuấn
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BIÊN TẬP TRỊ SỰ

ThS. Châu Ngọc Hòe
CN. Lưu Thị Diệu Hiền

Mục lục

Mở xẻ phương pháp tiếp cận của chủ nghĩa tự nhiên trong nghiên cứu triết học tâm linh phương Tây <i>Nguyễn Hùng Vương, Mai Thị Hồng Liên</i>	3
An ninh con người trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng <i>Trần Hồng Lưu, Nguyễn Hữu Anh</i>	14
Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự tại Việt Nam <i>Vũ Thị Phương Giang, Nguyễn Thị Hoài Thanh</i>	22
Liên kết phát triển dịch vụ logistics tại vùng kinh tế trọng điểm miền Trung <i>Hồ Thị Kim Thùy, Phan Thị Sông Thương, Phạm Quốc Trí</i>	29
Phát huy tri thức bản địa của dân tộc Thái ở miền Tây Nghệ An trong phát triển du lịch <i>Lê Thị Bích Thủy</i>	41
Diễn trình hội nhập của người Cor ở huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi <i>Phan Thùy Giang</i>	48
Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dòng họ: Nghiên cứu trường hợp dòng họ Nguyễn Tường tại thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam <i>Nguyễn Thị Hạnh</i>	56
Tiếp cận giáo dục phổ thông của học sinh người Cơ Tu trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng <i>Phạm Trung Hiếu, Lưu Thị Diệu Hiền</i>	65
Giáo dục phòng chống quấy rối tình dục cho học sinh trung học cơ sở ở thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam: Thực trạng và một số vấn đề đặt ra <i>Trần Thị Thu Hiền</i>	73

Contents

Examining the naturalistic approach in Western mystery philosophy <i>Nguyen Hung Vuong, Mai Thi Hong Lien</i>	3
Human security in the 13th National Party Congress documents <i>Tran Hong Luu, Nguyen Huu Anh</i>	14
Protection of intellectual property rights to trademarks by civil remedies in Vietnam <i>Vu Thi Phuong Giang, Nguyen Thi Hoai Thanh</i>	22
Linkages in development of logistics services in the Central key economic region <i>Ho Thi Kim Thuy, Phan Thi Song Thuong, Pham Quoc Tri</i>	29
Utilizing local knowledge of Thai people in tourism development in the West of Nghe An <i>Le Thi Bich Thuy</i>	41
Cor people's national integration into a unified Viet Nam in Tra Bong district, Quang Ngai province <i>Phan Thuy Giang</i>	48
Preservation and promotion of lineage culture's values: A case study of Nguyen Tuong family in Hoi An, Quang Nam <i>Nguyen Thi Hanh</i>	56
Co Tu students' access to general education in Hoa Vang, Da Nang city <i>Pham Trung Hieu, Luu Thi Dieu Hien</i>	65
Education on prevention of sexual harassment for secondary school students in Dien Ban town, Quang Nam province: The current situation and problems <i>Tran Thi Thu Hien</i>	73

Diễn trình hội nhập của người Cor ở huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi

Phan Thùy Giang

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

Email liên hệ: phangiangmtsr@gmail.com

Tóm tắt: Từ cuối thế kỷ XV, lãnh thổ Đại Việt đã được mở rộng đến khu vực Nam Trung Bộ, quan hệ giao thương trực tiếp giữa người Kinh với người Cor ở huyện Trà Bồng bắt đầu phát sinh, phát triển. Nhưng trong 3 thế kỷ tiếp theo, các thôn làng người Cor vẫn giữ tính tự trị tương đối, chỉ lệ thuộc vào các vương triều quân chủ trên danh nghĩa. Bắt đầu từ thời Minh Mạng (1820), khuôn mẫu quản lý nhà nước của vương triều Nguyễn được áp đặt lên vùng người Cor Trà Bồng. Tuy nhiên, chỉ từ sau năm 1945, người Cor mới thực sự hội nhập đầy đủ vào quốc gia dân tộc Việt Nam.

Từ khóa: người Cor, hội nhập quốc gia, huyện Trà Bồng.

Cor people's national integration into a unified Viet Nam in Tra Bong district, Quang Ngai province

Abstract: In late 15th century, the territory of Dai Viet Kingdom extended to the South Central of Vietnam. Since then, direct trade relations between the Việt and the Cor in Tra Bong has developed. Nevertheless, during the next three centuries, Cor villages still maintained their relative autonomy and depended nominally on dynasties of Dai Viet. Only under the reign of Emperor Minh Mang (1820) did the state management model govern the Cor people in Tra Bong. The Cor, however, was not considered the real member of the nation. Only in 1945 did they fully integrate into a unified Viet Nam.

Keywords: Cor people, national integration, Tra Bong district.

Ngày nhận bài: 10/8/2022

Ngày duyệt đăng: 22/10/2022

1. Đặt vấn đề

So với các khu vực khác trên cả nước, vùng đất dốc Nam Trường Sơn gia nhập vào cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam tương đối muộn. Mặc dù sau năm 1471, vương triều Lê đã kiểm soát hoàn toàn duyên hải Nam Trung Bộ, nhưng các tộc người thiểu số sinh sống ở sườn đông dãy Trường Sơn vẫn giữ quyền tự trị, tương đối độc lập so với triều đình. Thậm chí, đến năm 1832, vua Minh Mạng còn cho xây dựng Trường Lũy dài hơn 150km, từ phía nam tỉnh Quảng Nam đến phía bắc tỉnh Bình Định, phân định ranh giới giữa người Kinh ở đồng bằng với các tộc người thiểu số miền núi. Tình trạng đó chỉ được phá vỡ khi chính quyền thuộc địa Pháp và vương triều Nguyễn áp đặt bộ máy quản lý nhà nước lên toàn bộ khu vực này. Tuy nhiên, các tộc người vùng Nam Trường Sơn chỉ thực sự hội nhập đầy đủ và sâu sắc vào quốc gia dân tộc Việt Nam sau ngày thống nhất đất nước, tháng tư năm 1975. Để tìm hiểu về hiện tượng này, nghiên cứu dưới đây giới thiệu một trường hợp cụ thể là diễn trình hội nhập của người Cor ở huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Những nét chính về người Cor ở huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi

Khi miêu tả về các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên, giới học thuật trong lĩnh vực nhân văn thường rất ít đề cập đến nguồn gốc tộc người. Nghiên cứu về chủ đề này luôn gặp những khó khăn rất lớn về sử liệu, tư liệu văn hóa học, về nhân chủng học, và về ADN. Đến nay, các nhà khoa học chỉ dừng lại ở nhận định: người Cor thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer, và có thể có quan hệ nguồn cội với các tộc người Xơ-đăng, người Hrê và Tà-ôi (Lưu Hùng 1994, tr.36). Tại huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi, người Cor có số dân vượt trội so với các tộc người khác. Trước kia, người Cor thường được gọi là “Man Thanh Bồng”, “Man La Thụ”, “Thượng Trà Bồng”, “Mọi Quế”, “Mọi Trầu”, “Cua”, hoặc “Khùa” (Cao Chư, 2009, tr.25).

Đầu thế kỷ XX, tên gọi “Man” ít được dùng trong các văn bản ghi chép, thay vào đó, danh xưng “Mọi” được sử dụng phổ biến. Tên gọi này lần đầu tiên được các học giả Pháp sử dụng trong những ghi chép về các tộc người thiểu số vùng Trường Sơn-Tây Nguyên. Theo các nguồn tài liệu đã được công bố, E.M. Durand có lẽ là người đầu tiên dùng chữ “Mọi” để chỉ các tộc người thiểu số ở Trung bộ, trong bài viết “*Les Moi du Sơn-Phong*” (Người Mọi ở Sơn Phòng), được đăng trên tạp chí *Revue Indochinoise* vào năm 1900. Đây là chuyên khảo về các bộ tộc sống ở miền sơn cước hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định. Sau này, danh xưng “Mọi” được sử dụng rộng rãi trong các nghiên cứu của H. Haquet (1905) *Notice ethnique sur les Mois de la région de Quang Ngai*, của Henri Maitre (1911) *Les Jungles Moi*, của A. Laborde (1925) *Tỉnh Quảng Ngãi*. Do chịu ảnh hưởng của người Pháp, trong *Quảng Ngãi tỉnh chí* (1933) cũng gọi những bộ tộc cư trú ở miền núi tỉnh Quảng Ngãi là người “Mọi”. Dựa vào giống cây trồng đặc trưng, các tác giả A. Laborde, Nguyễn Bá Trắc còn gọi người Cor ở Trà Bồng là “Mọi Trầu”, vì người Cor ở đây trồng nhiều trầu. Henri Maitre thì gọi người Cor là “Mọi Quế”, tức giống Mọi chuyên trồng cây quế. Riêng các tên gọi “Mọi Cua” hay “Khùa”, theo Phạm Trung Kinh, bắt nguồn từ sự ngộ nhận là người Cor là một nhóm của người Ca Dong. Bởi người Ca Dong còn được biết đến với các tên gọi “Cua” hoặc “Khùa” nên người Cor ở Trà Bồng cũng được gọi như vậy (Phạm Trung Kinh 1969, tr. 46). Tuy nhiên, cư dân bản tộc tự gọi mình là Cor, Ko, Col, hay Kol, tùy theo thổ âm của từng vùng (Nguyễn Đức Cung, 1998, tr.206; Cao Chư, 2009, tr.25). Năm 1979, sau quá trình xác minh thành phần dân tộc, tên gọi “Cor” chính thức được sử dụng trong các văn bản của nhà nước.

Trong xã hội truyền thống, người Cor sống thành từng làng (*palei*), mỗi làng thường có vài ba nóc nhà dài. Các thôn làng Cor thường bố trí ở các chân núi, ven các cửa suối, vừa thuận tiện cho việc đi lại, vừa gần nguồn nước sinh hoạt. Thôn làng là một bộ máy tự quản, đồng thời cũng là tổ chức xã hội cao nhất của người Cor.

Sống trên vùng núi non hiểm trở, từ xưa người Cor lấy hoạt động nương rẫy làm nguồn sống chính. Các loại cây trồng truyền thống chính của người Co là lúa nương, ngô, sắn (củ mì), các loại rau đậu, cây gia vị và một vài loại cây thuốc nam để dùng trong gia đình. Đặc biệt, người Cor huyện Trà Bồng rất nổi tiếng với cây quế, một loại cây hàng hóa đặc sản. Quế ở vùng người Cor huyện Trà Bồng có chất lượng và năng suất cao, từng được triều Nguyễn xếp vào hàng thổ sản quý của Quảng Ngãi. Bên cạnh cây quế, trầu cũng là loại cây được người Cor trồng nhiều.

Đứng đầu mỗi thôn làng Cor là chủ làng. Đó là người đại diện cao nhất cả trong đời sống thể tục cũng như tâm linh của thôn làng. Chủ làng bao giờ cũng phải là người có uy tín, nắm giữ nhiều tri thức tộc người, có khả năng điều hành công việc, xử lý tốt các mối quan hệ trong và ngoài cộng đồng thôn làng. Trước kia, người Cor ở nhà dài. Mỗi thôn làng chỉ gồm vài ba ngôi nhà dài, mỗi ngôi nhà có thể lên tới vài chục gian, mỗi gian là 1 hộ gia đình sinh sống.

Sau này nhà dài bị dỡ bỏ, làng của người Cor trở thành làng mật tập, mỗi hộ gia đình thường lựa chọn chỗ ở theo sở thích, theo địa hình, không có sự quy hoạch cụ thể.

Người Cor có tính cố kết cộng đồng cao, có truyền thống trọng lão và nhiều giá trị văn hóa cổ truyền độc đáo. Họ theo tín ngưỡng đa thần và vạn vật hữu linh, quan niệm rằng mọi thứ trên đời đều có linh hồn, và ngoài thế giới loài người, còn có thế giới của các vị thần linh. Các vị thần có thể bảo hộ và mang phúc lành đến cho con người, nhưng cũng có thể gây họa nếu không được thờ cúng thường xuyên. Quan niệm đó cũng chính là cội nguồn của hệ thống lễ tục, lễ hội khá phong phú như lễ mừng cơm mới, lễ ngã rạ, lễ ăn trâu và rất nhiều lễ tục liên quan đến vòng đời người, đến chỗ ở.

Với việc trồng các loại cây hàng hóa (quế và trâu), kinh tế của người Cor không thể khép kín theo kiểu tự túc tự cấp, việc buôn bán trong vùng người Cor xuất hiện tương đối sớm. Việc buôn bán, trao đổi không chỉ thúc đẩy quá trình giao lưu kinh tế giữa hai miền xuôi - ngược mà còn tạo điều kiện cho giao lưu văn hóa giữa các tộc người. Trên nền tảng của giao thương kinh tế, sự giao tiếp văn hóa được thúc đẩy cũng là lẽ đương nhiên.

3. Sự có mặt của người Kinh - chủ thể chính của vương triều Đại Việt

Cuộc Nam chinh đầu tiên của người Kinh nhằm chinh phục vương quốc Champa cổ đại được vua Lê Đại Hành thực hiện vào năm 982 (Đại Việt sử ký toàn thư, 1993, tr.215). Sử cũ không ghi chép về việc sau đó quan binh Đại Cồ Việt có ở lại vùng đất phương nam hay không. Căn cứ vào các nguồn tư liệu hiện có, có thể tin là người Kinh từng có mặt ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi từ thời nhà Hồ, sau cuộc chinh phạt Champa năm 1402 của Hồ Quý Ly. Sách "*Khâm định Kinh sử thông giám cương mục*", phần *Chính biên*, quyển 12, còn ghi chép: "Sau lần Chiêm Thành dâng đất Chiêm Động và Cổ Lũy Động, thì người Chiêm bỏ đất mà đi nên mùa xuân năm Khai Đại thứ nhất (1403), Hồ Hán Thương mới lấy dân có của những không có ruộng ở các lộ khác di cư vào vùng đất này" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998, tr.175). Đây có lẽ là cuộc di dân quy mô lớn đầu tiên của người Kinh vào Quảng Nam và Quảng Ngãi. Khi nhà Hồ bị nhà Minh đánh bại, vua Champa đã nhân cơ hội đó tái chiếm lại các châu Chiêm Động và Cổ Lũy Động. Nhưng theo "*Đại Việt địa dư toàn biên*", khi đó, ở 4 châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa vẫn có một bộ phận người Kinh còn ở lại (Nguyễn Siêu-Bùi Quỳ, 1997, tr.71).

Năm 1471, vua Lê Thánh Tông thực hiện cuộc Nam chinh nhằm giành lại các vùng đất mà Champa đã tái chiếm khi Đại Ngu bị quân Minh xâm lược và mở rộng hơn nữa biên giới Đại Việt về phương nam. Sau cuộc chinh phạt, một bộ phận quan binh đã được lưu lại vùng Quảng Nam, Quảng Ngãi ngày nay. Theo ước tính của Li Tana, quân lính của vua Lê ở lại 3 phủ, tức vùng Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định này nay ước chừng 5.000 người (Li Tana, 1999, tr.31). Đồng thời, ngay sau đó, đã có những đợt di dân lớn của người Kinh từ các miền Bắc vào miền Trung. Một phần trong số các lưu dân mới là vợ con, gia đình các quan binh theo chồng vào định cư lập nghiệp; phần khác, là dân chiêu mộ từ các tỉnh Bắc Trung bộ (Thanh-Nghệ-Tĩnh). Các nhà sử học coi làn sóng di dân lần này là quan trọng nhất, vì nó đặt nền tảng lâu dài cho sự hiện diện của các lớp cư dân người Kinh đến sau.

Từ khi chúa Nguyễn Hoàng được vua Lê cử vào trấn nhậm Đàng Trong (1558), các cuộc di dân của người Kinh từ các tỉnh Thanh-Nghệ-Tĩnh vào miền Trung nói chung, Quảng Ngãi nói riêng, ngày một đông. Với tập quán vốn có, người Kinh đều sống dựa vào việc canh tác ruộng nước. Vì thế, khi đến miền Trung, người Kinh chủ yếu định cư ở khu vực đồng bằng duyên hải.

Nếu coi sông Trà Bồng là ranh giới tự nhiên giữa sơn khu phía tây với vùng đồng bằng phía đông, có lẽ trước thế kỷ XX, người Kinh chưa từng có mặt ở Trà Bồng. Họ có mặt ở các xã

Trà Bình, Trà Phú và Trà Xuân ngày nay từ rất sớm, nhưng khi đó vùng đất này thuộc về phủ Bình Sơn, phần còn lại của Trà Bồng ngày nay thuộc nguồn Đà Bồng/Thanh Bồng. Trong “*Vũ Man tạp lục*”, quyển thứ 3 “*Công cuộc xây dựng hoặc đổi mới qua các triều đại*”, Nguyễn Tấn viết: “*Canh Ngọ (1570), năm thứ 13 niên hiệu Chính Hòa triều Lê Anh Tông, hoàng triều ta có thêm đất đai rộng rãi, thần truyền thánh nối suốt hai trăm năm. Người Man và dân Kinh sống riêng yên vui với nghề nghiệp*” (Nguyễn Đức Cung, 1998, tr.209).

Kết quả của các cuộc khai quật khảo cổ học cũng như nguồn tài liệu điển dã mới đây tại thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng, đều chưa chứng minh được thời điểm có mặt của người Kinh ở đây trước thế kỷ XVIII. Thông thường, người Kinh định cư ở đâu cũng tính đến chuyện làm đình. Đó là nơi thờ cúng thần thành hoàng/bản mệnh của làng, đồng thời cũng là không gian sinh hoạt cộng đồng. Năm 2011, Viện Khảo cổ học đã phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Ngãi tiến hành khai quật di tích Gò Đình ở thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng. Trong báo cáo kết quả có đưa ra nhận xét: “*Căn cứ vào những thông tin từ việc nghiên cứu đồ gốm thu được tại đây chúng tôi cho rằng: Kiến trúc này được xây dựng sớm nhất vào khoảng cuối thế kỉ XVIII, đầu thế kỉ XIX. Trong thời gian tồn tại, đình được tu sửa, xây lại nhiều lần, lần cuối cùng vào khoảng những năm 40 của thế kỉ XX...*” (Nguyễn Tiến Đông, 2012). Các cuộc điển dã nhân học-dân tộc học của tác giả được thực hiện trong những năm từ 2016 đến 2022 tại Trà Bồng cũng cho ra những kết quả tương tự. Như vậy, sự cò xát ở cấp độ cộng đồng giữa 2 tộc người Kinh và Cor chỉ thực sự sâu sắc vào khoảng giữa thế kỷ XVIII trở về sau.

4. Quan hệ giữa người Cor với các vương triều quân chủ Lê và Nguyễn

Khác với quan hệ cộng đồng, các vương triều quân chủ Đại Việt có quan hệ với các thể chế tự trị Cor tương đối sớm. Thời nhà Lê, một trong những chính sách chủ đạo của nhà nước đối với các dân tộc thiểu số là “*nhu viễn*” (mềm mỏng từ xa). Với chính sách này, triều đình không đặt lưu quan trực trị mà cho phép các tộc người thiểu số duy trì quyền tự trị. Các nguồn sử liệu cho thấy, mặc dù vào thời nhà Lê, người Kinh chưa có mặt tại sơn khu huyện Trà Bồng, nhưng ảnh hưởng của vương triều đến khu vực này vẫn tương đối mạnh. Đặc biệt, trong thời gian trấn nhậm vùng Nam-Ngãi, Bùi Tá Hán (1496-1568) đã để lại nhiều dấu ấn đối với người Cor. Ông là người có quan điểm nhân văn khoan hòa đối với cộng đồng thiểu số tại miền tây Quảng Ngãi. Ông chỉ rõ rằng: “*Vùng thượng du Quảng Nam từ Hà Đông đến Tuy Viễn, ở thượng nguồn có nhiều dân miền núi du canh du cư không tuân theo vương hóa. Vì việc canh tác của họ quá thô sơ, đốt núi chọc lỗ gieo lúa, nên hoa lợi ít ỏi, mỗi khi gặp năm mất mùa, không tránh khỏi chết đói, đến nỗi phải tùm năm tùm ba trộm cướp để mà sống, gây xích mích giữa người Thượng và người Kinh. Nếu vì vậy mà làm tội thì nhà nước không nổi! Ta nên khuyên họ định cư, định canh, dạy cho cày bừa, cấy gặt, khiến họ đủ ăn, đủ mặc, hồ hởi định cư và giao hảo với người Kinh, thì trộm cướp sẽ tiêu tan, dân tình Kinh – Thượng sẽ yên ổn. Lập các nơi giao dịch, những địa phương có dân Kinh và Thượng sống gần nhau thì mở chợ phiên cách nhật, để cho người Thượng cũng như người Kinh đem thổ sản, lâm sản, hàng hóa tới buôn bán, trao đổi.*” (Tư liệu thư tịch & di tích về nhân vật lịch sử Bùi Tá Hán, 1996, tr.28-29). Cũng chính nhờ quan điểm đó, mối quan hệ giữa những người miền Thượng đối với vương triều Lê cơ bản là nhu thuận. Đến nay, người dân miền tây Quảng Ngãi, trong đó có người Cor ở Trà Bồng, đều nhắc đến Bùi Công (tức Bùi Tá Hán) bằng thái độ trân trọng, ngưỡng mộ và hàm ơn.

Sau khi vương triều Nguyễn được thiết lập, vua Gia Long vẫn tiếp tục thực hiện các chính sách có từ thời Lê. Nhưng từ khi vua Minh Mạng lên ngôi (1820), chính sách đối với các tộc người thiểu số trên cả nước bị thay đổi hoàn toàn. Ông từng bước xóa bỏ tính tự trị và áp đặt khuôn mẫu triều đình lên tất cả các vùng đất do nhà nước kiểm soát, trong đó có sơn khu

phía tây vùng Trung Trung Bộ⁽¹⁾. Trong *"Phủ Man tạp lục"* có đoạn viết: "Từ thời Quốc sơ bốn nguồn được thành lập, mỗi nguồn đều có sở thuế, đó là nguồn Đà Bồng và nguồn Cù Bà trong huyện Bình Sơn, nguồn Phụ Bà ở huyện Chương Nghĩa, nguồn Ba Tơ ở huyện Mộ Đức. Nguồn Đà Bồng có đặt chức cai quan và cốn quan, mỗi chức hai người, còn ba nguồn khác thì mỗi chức một người... Các viên chức này có trách nhiệm đốc suất bọn thương hộ trong nguồn nạp thuế" (Nguyễn Đức Cung, 1998, tr.191).

Không chỉ dừng ở việc thu thuế, các chúa Nguyễn và nhà Nguyễn từng bước thực hiện chính sách áp đặt nhằm quan phương hóa bộ máy quản lý đối với các cộng đồng thiểu số miền tây. Các palây của người Cor Trà Bồng được đổi gọi thành "sách". Nhiều "sách" được gom vào chung một "tổng". Riêng thuộc địa phận Đà Bồng (chỉ có người Cor sinh sống), các chúa Nguyễn lập ra 3 tổng, và dưới cấp tổng có 34 sách. Lãnh nhiệm chánh tổng của người Cor hầu hết là người Kinh. Người Cor chỉ có thể làm từ phó tổng trở xuống. Đặc biệt, ở cấp thôn làng, bên cạnh chủ làng truyền thống, nhà nước còn đặt thêm chức "sách trưởng". Ông này có trách nhiệm chính là điểm đình, đôn đốc người dân nộp thuế và thực hiện tô lao dịch. (Nguyễn Bá Trác, 1933, tr.211; Nguyễn Đức Cung, 2008, tr.84).

Quan chế của chúa Nguyễn và nhà Nguyễn luôn có sự thay đổi. Trước khi chính quyền nhà Nguyễn áp đặt bộ máy nhà nước lên vùng Cor, thôn làng cũng là tổ chức xã hội cao nhất của người Cor huyện Trà Bồng. Dưới triều Nguyễn, người Cor huyện Trà Bồng có thêm một hình thức tổ chức xã hội liên làng gọi là "sách". Mỗi sách của người Cor bao gồm vài ba thôn làng liền kề. Nhưng đến thời Pháp thuộc, khi các nguồn được đổi thành đồn, thì "mỗi đồn đặt chức kiểm lý coi trị việc quan đều thuộc về tỉnh tòa như các phủ huyện khác". (Nguyễn Bá Trác, 1933, tr.373). Điều đó có nghĩa rằng, cách thức cai trị người Cor không có nhiều điểm khác so với người Kinh. Quyền tự quản của người Cor Trà Bồng từng bước bị xâm hại. Mỗi quan hệ bình hòa giữa vương triều Nguyễn với các cộng đồng thiểu số miền tây Quảng Ngãi bắt đầu rạn nứt, xung đột bắt đầu diễn ra. Đó cũng chính là nguyên nhân khiến năm 1832 nhà Nguyễn phải xây dựng Trường Lũy.

5. Nhu cầu chung sống hòa bình

Trong các miêu tả về nền kinh tế các tộc người thiểu số ở Việt Nam, "tự cung tự cấp" là một công thức quen thuộc thường được nhắc đến. Ngay cả với người Kinh, thôn làng cũng luôn được xem như một cấu trúc tương đối khép kín. Trái ngược với các định kiến đó, bức tranh kinh tế của người Cor và thôn làng người Kinh ở Trà Bồng mang lại những nhận thức mới mẻ. Người Cor sinh sống trên một vùng địa mạo không thuận lợi cho nông canh. Nguồn thu từ canh tác nương rẫy của họ không thỏa mãn được nhu cầu của đời sống gia đình. Bù lại, nghề trồng quế có thể mang đến những nguồn thu lớn, nếu hoạt động giao thương với các cộng đồng tộc người để từ bên ngoài được thực hiện. Ngoài vỏ quế, người Cor còn có những mặt hàng khác như mít, trâu, cau, chè, đậu xanh; các loại lâm thổ sản như mật ong, mủ cây chay, song mây... Để thỏa mãn nhu cầu đời sống, từ lâu người Cor đã không có cách nào khác hơn là phải ở cửa giao thương với các cộng đồng đến từ bên ngoài. Và một trong những bạn hàng của họ chính là người Kinh, đến từ vùng duyên hải Nam Trung Bộ.

Nhưng người Kinh không phải là những bạn hàng đầu tiên của người Cor. Trong *"Rừng người Thượng"*, H. Maitre viết: "Ít nhiều là chư hầu của người Chăm, các bộ lạc hoang dã nói trên đều đã có quan hệ ít nhiều với người Chăm, ít ra là các trao đổi buôn bán, và các nhà viết Biên niên Trung Hoa đã ngẫm cho ta những bằng chứng về điều này." Ở đoạn văn sau, ông giải thích: trong số những cống phẩm mà vương chủ Champa mang đến triều đình Trung Quốc có rất nhiều sản vật từ những vùng miền khác nhau. Nhiều mặt hàng trong số đó chỉ có thể lấy từ rừng núi. Và đó chính là bằng chứng về "sự tồn tại các mối quan hệ giữa người Chăm với người

Mọi, quan hệ giữa chư hầu và tôn bá, quan hệ buôn bán, đã cấp cho Champa phần lớn những mặt hàng quý kể trên dưới dạng cống vật hoặc trao đổi". (H. Maitre, 2008, tr.181)

Các thương lái người Kinh đã kế thừa mối quan hệ này từ người Chăm. Thậm chí, việc giao thương với miền Thượng còn được xếp thứ hạng cao trong cách đánh giá của các nhà viết sử: "Ngoài những người bày hàng buôn bán ở chợ phố, còn có bốn hạng đi buôn: một là buôn mọi, hai là buôn gánh, ba là buôn thuyền, bốn là buôn biển" – buôn Mọi tức là buôn bán với những người dân miền Thượng (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2010, tr.257). Li Tana cũng nhận xét: "Việc buôn bán của người Việt Nam và các dân tộc vùng cao nguyên ở Đàng Trong vào thế kỷ 17 và 18 có một tầm quan trọng hơn ngày nay chúng ta tưởng nhiều. Các sản phẩm miền núi quả là quan trọng với nền kinh tế Đàng Trong đến độ người Kinh đã nghi thức hóa quá trình trao đổi hàng hóa này trong một trong một nghi lễ gọi là "đi nguồn" (theo nghĩa đen là đi tới nguồn tới suối, nhưng đúng hơn có thể hiểu là đi thu gom những gì quý giá ở miền núi)." (Li Tana, 1999, tr.05).

Trong số các "nguồn" của tỉnh Quảng Ngãi, Đà Bồng có vai trò quan trọng nhất. Tiếp giáp với Đà Bồng của người Cor, ở phía đông nam dòng sông Trà Bồng là làng Xuân Khương của người Kinh. Vốn dĩ, đây là vùng đất ở phía tây huyện Bình Sơn, từ sau năm 1945, Xuân Khương được sáp nhập vào huyện Trà Bồng và đổi tên thành xã Trà Xuân. Toàn bộ khuôn vi làng Xuân Khương nằm ở phía đông nam sông Trà Bồng, con sông lớn nhất huyện chảy ra cửa biển Sa Cầm. Nó cũng là bậc thềm cuối cùng của bước chuyển từ miền núi xuống đồng bằng. Xét trên toàn bộ không gian Trà Bồng - Bình Sơn xưa, không có thôn làng nào có vị thế đặc địa như Xuân Khương. Chính vì thế, từ xa xưa làng Xuân Khương đã trở thành hội điểm của các dòng dân di cư, hội điểm của các dòng hàng hóa đông – tây.

Khi đến Xuân Khương lập nghiệp, một bộ phận người Kinh đã không còn đơn thuần "dĩ nông vi bản". Họ tham gia tích cực vào quá trình trao đổi hàng hóa. Để thiết lập quan hệ buôn bán với người Cor ở một làng bất kỳ, ban đầu, các thương lái người Kinh tiếp cận với những người có uy tín, quyền lực trong làng như già làng, thầy cúng... Những người này không chỉ giúp cho các thương lái người Kinh tìm kiếm được các bạn hàng, họ còn bảo đảm sự an toàn cho các thương lái người Kinh trong thời gian tá túc tại làng. Sẽ có một lễ cúng rượu nhỏ do già làng làm chủ lễ. Đây là nghi thức mà qua đó những cam kết trong việc mua bán giữa người làng với các thương lái sẽ được thực hiện. Sau khi thủ tục này hoàn tất, các thương lái người Kinh được quyền lui tới, mua bán trao đổi hàng hóa với tất cả mọi người trong làng. Một làng có thể có một vài thương lái thường xuyên lui tới trao đổi các hàng hóa. Một thương lái có thể đến buôn ở nhiều làng. Để thuận tiện cho việc giao dịch với người Kinh, từ xưa đã có nhiều người Cor học nói tiếng Kinh. Sách "*Phủ Man tạp lục*" viết: "Giống người "Man" Thanh Cù ở phía nam cho đến Cơ Năm ít biết tiếng Kinh, hai giống "Man" Thanh Bồng, La Thụ đa số nói được tiếng Kinh." (Nguyễn Đức Cung, 1998, tr.167)

Chính vì có sự nhạy cảm trong bối cảnh kinh tế, người Cor cũng như các tộc người thiểu số Nam Trường Sơn không thể cắt đứt các quan hệ bạn hàng đối với bộ phận dân cư vùng duyên hải. Nhu cầu chung sống hòa bình để phát triển kinh tế được đặt lên hàng đầu, và đó chính là nguyên nhân quan trọng nhất thúc đẩy tiến trình hội nhập của người Cor vào quốc gia dân tộc Việt Nam.

6. Vai trò của nhà nước cách mạng

Dưới thời thuộc Pháp, trên danh nghĩa, vùng Trung Bộ do triều đình nhà Nguyễn trực tiếp quản lý. Tuy nhiên, các chính sách xã hội về cơ bản vẫn theo các định hướng của chính quyền bảo hộ. Khu vực miền núi và vùng dân tộc thiểu số ít nhiều cũng chịu ảnh hưởng của

người Pháp và làn sóng văn hóa mới. Đến trước 1945, trong cộng đồng các tộc người thiểu số nói chung, người Cor nói riêng, đã xuất hiện những trí thức theo học chữ Pháp và chữ quốc ngữ. Tuy nhiên, chính trong bộ phận này cũng có sự phân hóa nhất định: một số người tham gia vào bộ máy quản lý nhà nước quân chủ dưới sự bảo hộ của thực dân Pháp, một số khác chịu ảnh hưởng của phong trào yêu nước, có ý thức đấu tranh chống sự xâm lược của ngoại bang.

Vào những năm 40, chi bộ của Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập tại miền Tây tỉnh Quảng Ngãi. Phong trào cách mạng bắt đầu ảnh hưởng đến các thôn làng người Cor. Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, chính quyền cách mạng được thiết lập, những hạt nhân yêu nước của người Cor đã sát cánh cùng cán bộ người Kinh, bắt đầu tham gia quản lý xã hội. Nhiều cán bộ người Cor đã gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, vùng người Cor Trà Bồng trở thành căn cứ địa cách mạng. Nhiều con em người Cor trực tiếp tham gia những công việc khác nhau của tổ chức kháng chiến dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Chính thông qua quá trình này, mối quan hệ Kinh-Cor ngày càng bền chặt. Người Cor từng bước hội nhập vào quốc gia dân tộc Việt Nam như một lẽ tự nhiên.

Sau 1954, một bộ phận nhỏ cán bộ cách mạng người Cor tập kết ra Bắc, phần lớn ở lại duy trì cuộc đấu tranh nhằm thống nhất đất nước. Thời kỳ 1954-1975, chính quyền Sài Gòn quản lý một phần đất đai huyện Trà Bồng, nhưng đa số diện tích sơn khu Trà Bồng vẫn là căn cứ địa cách mạng. Tháng 12 năm 1959, chính trên mảnh đất Trà Bồng lịch sử đã nổ ra cuộc khởi nghĩa cách mạng, mở đầu cho phong trào Đồng khởi trên toàn miền Nam. Không ít cán bộ chủ chốt của khởi nghĩa Trà Bồng là người Cor. Sự giác ngộ về quốc gia dân tộc Việt Nam ở người Cor, chính là được bắt nguồn từ ý thức cách mạng, chống thực dân Pháp xâm lược.

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, chính quyền cách mạng được thiết lập trọn vẹn trên toàn bộ huyện Trà Bồng. Mọi người Cor đều chính thức trở thành công dân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong mọi bản Hiệp pháp của nhà nước cách mạng Việt Nam, dân tộc Cor đều được khẳng định là đồng chủ thể quốc gia dân tộc. Mỗi công dân Cor đều bình đẳng trước pháp luật như người Kinh và các công dân thuộc các tộc người thiểu số khác. Họ có đầy đủ các quyền cơ bản theo Hiến định và công pháp quốc tế: quyền dân sự, quyền chính trị, quyền kinh tế, quyền xã hội và quyền văn hóa.

7. Kết luận

Tộc người Cor có lịch sử phát triển lâu dài trên đất Trà Bồng. Từ xưa, họ đã có “tính mở” trong quan hệ kinh tế-xã hội với các cộng đồng tộc người ở các khu vực khác nhau, đặc biệt là với người Kinh - tộc người có số dân đông nhất trên cả nước. Trong trường kỳ lịch sử, mối quan hệ giữa người Cor với người Kinh trải qua nhiều thăng trầm nhưng nhìn chung, nhu cầu hòa hợp để duy trì sự ổn định phát triển vẫn là xu hướng chủ đạo.

Mối quan hệ giữa người Kinh và người Cor ít nhất cũng bắt đầu từ cuối thế kỷ XV, sau khi vua Lê Thánh Tông chinh phạt phương Nam. Ban đầu, đó là quan hệ giữa các thương lái với các nguồn hàng hóa; giữa vương triều Lê-Nguyễn với các thể chế tự trị của người Cor. Từ giữa thế kỷ XVIII, khi người Kinh bắt đầu di cư nhiều hơn về phía tây, mối quan hệ giữa các cộng đồng Kinh và Cor trở nên thường xuyên hơn.

Dưới chế độ quân chủ, với các chính sách bất nhất khác nhau, người Cor cũng như các tộc người thiểu số tại chỗ khác (Hrê, Xơ-đăng) chưa bao giờ thực sự hội nhập đầy đủ vào quốc gia dân tộc Việt Nam. Chính sự giác ngộ cách mạng, ý thức chống giặc ngoại xâm được hun đúc trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược đã thúc đẩy và hoàn thiện nhận thức về quốc gia dân tộc Việt Nam. Cuối cùng, nhà nước cách mạng đã thỏa

mãn những điều kiện cơ bản để họ trở thành đồng chủ nhân đất nước. Ngày nay, trên đất Trà Bồng, khối đại đoàn kết vững chắc giữa người Cor, người Kinh và các tộc người thiểu số khác (Hrê, Xơ-đăng, Mường, Hoa, Tày...) là không thể chia cắt, đảm bảo cho sự phát triển vững chắc kinh tế-xã hội-văn hóa của địa phương.

Chú thích:

(1) Vua Gia Long có quan điểm “Hán Di hữu hạn” (người Hán và người Di có ranh giới riêng, hàm ý giữa người Kinh và các dân tộc thiểu số đều có văn hóa riêng, cần tôn trọng). Sau khi ông mất (1820), các chính sách của ông bị bãi bỏ. Vua Minh Mạng lên thay, bắt đầu thực hiện chính sách “nhất thị đồng nhân” (tất cả mọi người đều như nhau, ý nói tất cả các tộc người đều phải quy thuận triều đình, tuân thủ phép tắc của nhà vua). Từ đó, áp lực ngày càng đè nặng lên các tộc người thiểu số nói chung, người Cor ở Trà Bồng nói riêng.

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Đức Cung (1998). *Lịch sử vùng cao qua Vũ Man tạp lục thư*. Nxb Nhật Lệ, Philadelphia, Pennsylvania..

Cao Chư (2009). *Văn hóa cổ truyền dân tộc Cor – tổng thể và những giá trị đặc trưng*. Nxb Đà Nẵng.

Nguyễn Tiến Đông (2011). Báo cáo khai quật khảo cổ học tại thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi. Kỷ yếu *Hội thảo thường niên Hội Khảo cổ học Việt Nam*.

Lưu Hùng (2005). Vài nét về người Cor. *Tìm hiểu con người miền núi Quảng Nam*. Ban dân tộc tỉnh Quảng Nam.

Henri Maitre (Lưu Đình Tuân dịch) (2008). *Rừng người Thượng*. Nxb Tri Thức, Hà Nội.

Labord (Hà Xuân Liêm dịch) (2002). Tỉnh Quảng Ngãi. *Những người bạn cổ đô Huế*. Nxb Thuận Hóa, Huế.

Li Tana (1999). *Xứ đàng Trong lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỷ 17-18*. Nxb Trẻ.

Nguyễn Siêu (1997). *Đại Việt địa dư toàn biên*. Nxb Văn hóa.

Nguyễn Bá Trắc (1933). Quảng Ngãi tỉnh chí. *Nam Phong Tạp chí*.

Quốc Sử Quán Triều Nguyễn (Đào Duy Anh dịch) (1970). *Đại Việt sử ký toàn thư*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2005). *Địa chí Quảng Ngãi*. Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.